

Số: *M84* /QĐ-SYT

Hưng Yên, ngày *30* tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại
Phòng khám đa khoa Việt Nhật-Công ty TNHH Việt Nhật Như Quỳnh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 892/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế;

Căn cứ biên bản họp tổ thẩm định xét duyệt cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngày 30 tháng 09 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 258 danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thuộc Chuyên khoa Nội; Ngoại; Sản; Tai mũi họng; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh tại Phòng khám đa khoa Việt Nhật-Công ty TNHH Việt Nhật Như Quỳnh (có danh mục kèm theo). Địa chỉ: Đường 196, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điều 2. Giám đốc Phòng khám đa khoa Việt Nhật-Công ty TNHH Việt Nhật Như Quỳnh chịu trách nhiệm thực hiện các kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Thay thế Quyết định số 296/QĐ-SYT ngày 27/03/2019.



Điều 4. Các ông (bà): Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng phòng: Nghiệp vụ; Trưởng phòng Y tế huyện Văn Lâm và Giám đốc Phòng khám đa khoa Việt Nhật-Công ty TNHH Việt Nhật Như Quỳnh căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lãnh đạo Sở;
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Công TTĐT Sở Y tế;
- Lưu :VT, NV.



Nguyễn Thị Anh

DANH MỤC
KỸ THUẬT TRONG PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT
-CÔNG TY TNHH VIỆT NHẬT NHƯ' QUỲNH

(Ban hành 258 kỹ thuật KCB theo Quyết định số MY4 /QĐ-SYT
ngày 30/09/2021 kèm theo giấy phép hoạt động số 296/HY-GPHĐ)
Địa chỉ: Đường 196, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

I. NỘI KHOA

STT	STT TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT
A. HÔ HẤP		
1.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2.	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
3.	28	Kỹ thuật ho có điều khiển
4.	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
5.	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
6.	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
7.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản
8.	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
9.	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
10.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu
11.	68	Vận động trị liệu hô hấp
B. TIM MẠCH		
12.	85	Điện tim thường
13.	112	Siêu âm Doppler mạch máu
14.	113	Siêu âm Doppler tim
C. THẦN KINH		
15.	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
16.	150	Hút đờm hầu họng
D. THẬN TIẾT NIỆU		
17.	188	Đặt sonde bàng quang
Đ. TIÊU HÓA		
18.	244	Đặt ống thông dạ dày
19.	247	Đặt ống thông hậu môn
20.	253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu



51.	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
52.	1025	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn
53.	1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren
54.	1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia
55.	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
56.	1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
57.	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
58.	1032	Nẹp bột các loại, không nắn
59.	3909	Chích rạch áp xe nhỏ
60.	3911	Thay băng, cắt chỉ
61.	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử
III. PHỤ SẢN		
A. SẢN KHOA		
62.	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
63.	41	Khám thai
64.	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
B. PHỤ KHOA		
65.	165	Khám phụ khoa
66.	166	Soi cổ tử cung
67.	167	Làm thuốc âm đạo
Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		
68.	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
69.	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
70.	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
E. PHÁ THAI		
71.	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
IV. TAI - MŨI - HỌNG		
A. TAI - TAI THẦN KINH		
72.	51	Khâu vết rách vành tai
73.	52	Bơm hơi vòi nhĩ
74.	54	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)
75.	58	Làm thuốc tai
76.	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài

B. MŨI-XOANG		
77.	141	Nhét bắc mũi trước
78.	142	Cầm máu mũi bằng Merocel
79.	143	Lấy dị vật mũi gây tê
80.	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
81.	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
C. HỌNG-THANH QUẢN		
82.	212	Lấy dị vật họng miệng
83.	213	Lấy dị vật hạ họng
84.	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt
85.	221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
86.	222	Khí dung mũi họng
87.	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê
88.	227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê
89.	229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê
90.	238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê
91.	239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê
92.	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê
D. ĐẦU CỔ		
93.	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
94.	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
95.	303	Thay băng vết mổ
96.	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
V. ĐIỆN QUANG		
A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN		
1. Siêu âm đầu, cổ		
97.	1	Siêu âm tuyến giáp
98.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt
99.	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
100.	4	Siêu âm hạch vùng cổ
2. Siêu âm vùng ngực		
101.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)

3. Siêu âm ổ bụng		
102.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
103.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
104.	18	Siêu âm tử cung phần phụ
105.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
4. Siêu âm sản phụ khoa		
106.	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
107.	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
108.	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
109.	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
110.	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
111.	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi
112.	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi
5. Siêu âm cơ xương khớp		
113.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
114.	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
6. Siêu âm Tim, Mạch máu		
115.	45	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
116.	52	Siêu âm doppler tim, van tim
117.	53	Siêu âm tim 3D/4D
7. Siêu âm vú		
118.	54	Siêu âm tuyến vú hai bên
119.	55	Siêu âm Doppler tuyến vú
B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)		
1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy		
120.	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
121.	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
122.	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
123.	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
124.	73	Chụp Xquang Hirtz
125.	74	Chụp Xquang hàm chéo một bên

126.	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
127.	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
128.	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
129.	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)
130.	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
131.	87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên
132.	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
133.	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
134.	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch
135.	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
136.	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên
137.	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
138.	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn
139.	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze
140.	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
141.	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên
142.	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng
143.	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch
144.	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng
145.	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch
146.	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
147.	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
148.	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
149.	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
150.	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
151.	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
152.	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
153.	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
154.	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
155.	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
156.	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
157.	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè

158.	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
159.	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
160.	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
161.	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
162.	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng
163.	119	Chụp Xquang ngực thẳng
164.	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
165.	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
166.	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
167.	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
168.	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
169.	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
170.	126	Chụp Xquang tuyến vú
VI. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP		
B. TAI - MŨI - HỌNG		
171.	10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán
172.	13	Nội soi tai mũi họng
D. LỒNG NGỰC- PHỔI		
173.	37	Nội soi lồng ngực ống cứng chẩn đoán
174.	38	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm chẩn đoán
Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG		
VII. XÉT NGHIỆM		
Huyết học – truyền máu		
A. Xét nghiệm đông máu		
175.	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
176.	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
177.	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
178.	22	Nghiệm pháp dây thắt
C. Tế bào học		
179.	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
180.	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
D. Huyết thanh học máu		
181.	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)

Hóa sinh		
182.	3	Định lượng Acid Uric
183.	7	Định lượng Albumin
184.	10	Đo hoạt độ Amylase
185.	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
186.	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
187.	24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)
188.	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
189.	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
190.	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
191.	29	Định lượng Calci toàn phần
192.	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
193.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)
194.	51	Định lượng Creatinin
195.	75	Định lượng Glucose
196.	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
197.	83	Định lượng HbA1c
198.	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
199.	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
200.	133	Định lượng Protein toàn phần
201.	139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate - Specific Antigen
202.	147	Định lượng T ₃ (Tri iodothronine)
203.	148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)
204.	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)
205.	158	Định lượng Triglycerid
206.	166	Định lượng Urê
B. Nước tiểu		
207.	179	Định tính hCG (test nhanh)
208.	194	Định tính Morphin (test nhanh)
209.	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)
210.	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)
211.	195	Định tính Codein (test nhanh)

212.	196	Định tính Heroin (test nhanh)
213.	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
Vi sinh		
A. Vi khuẩn		
1. Vi khuẩn chung		
214.	1	Vi khuẩn nhuộm soi
215.	2	Vi khuẩn test nhanh
216.	16	Vi hệ đường ruột
4. Neisseria gonorrhoeae		
217.	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi
6. Vi khuẩn khác		
218.	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh
219.	73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh
220.	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh
B. Virus		
1. Virus chung		
221.	108	Virus test nhanh
2. Hepatitis virus		
222.	117	HBsAg test nhanh
223.	122	HBsAb test nhanh
224.	127	HBcAb test nhanh
225.	130	HBeAg test nhanh
226.	144	HCV Ab test nhanh
227.	155	HAV Ab test nhanh
228.	163	HEV Ab test nhanh
229.	164	HEV IgM test nhanh
3. HIV		
230.	169	HIV Ab test nhanh
231.	170	HIV Ag/Ab test nhanh
4. Dengue virus		
232.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh
233.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh
234.	185	Dengue virus IgA test nhanh

235.	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
7. Các virus khác		
236.	243	Influenza virus A, B test nhanh
237.	249	Rotavirus test nhanh
238.	254	Rubella virus Ab test nhanh
C. Ký sinh trùng		
1. Ký sinh trùng trong phân		
239.	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
240.	264	Hồng cầu trong phân test nhanh
241.	265	Đơn bào đường ruột soi tươi
242.	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
243.	267	Trứng giun, sán soi tươi
244.	268	Trứng giun soi tập trung
245.	269	Strongyloides stercoralis(Giun lươn) ấu trùng soi tươi
246.	270	Cryptosporidium test nhanh
D. Vi nấm		
247.	319	Vi nấm soi tươi
248.	320	Vi nấm test nhanh
249.	321	Vi nấm nhuộm soi
Giải phẫu bệnh và tế bào học		
250.	1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
251.	2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
252.	8	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp
253.	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
254.	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
255.	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch
256.	19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
257.	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
258.	73	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo

Hưng Yên, ngày 30 tháng 09 năm 2021



DÁCH SÁCH
NHÂN SỰ ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TRONG PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT-CÔNG TY TNHH
VIỆT NHẬT NHƯ QUỲNH

Địa chỉ: Đường 196, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

STT	Họ và tên người hành nghề	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
1.	Nguyễn Mạnh Tuyến	Bác sĩ đa khoa	004517/HY-CCNH	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Phòng khám, phụ trách chuyên môn kỹ thuật – Trưởng Khoa nội
2.	Nguyễn Đông A	Bác sĩ chuyên khoa ngoại	003654/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Khoa ngoại
3.	Nguyễn Thị Thu Phương	Bác sĩ chuyên khoa CDHA	010072/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Khoa Chẩn đoán hình ảnh
4.	Nguyễn Văn Lũng	Bác sĩ chuyên khoa sản	0001843/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại sản	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Khoa sản
5.	Đỗ Quang Thành	Bác sĩ CKI tai mũi họng	0001829/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Khoa tai – mũi – họng
6.	Nguyễn Thanh Thảo	Cử nhân xét nghiệm	000356/HY-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Trưởng Khoa xét nghiệm
7.	Mai Chí Ninh	Bác sĩ chuyên khoa CDHA	022652/HNO-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa nội, siêu âm	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên
8.	Đỗ Thành Đạt	Bác sĩ đa khoa	005739/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên
9.	Vũ Hoàng Gia Khâm	Bác sĩ đa khoa	0001829/HY-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên
10.	Nguyễn Thị	Cử nhân xét	0003375/HY-	Kỹ thuật viên xét	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN	Nhân viên

	Loan	nhịệm	CCHN	nhịệm	(07h30-17h)	Khoa xét nghiệm
11.	Vũ Đức Mạnh	Cử nhân xét nghiệm	0004507/PT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân khoa Khoa xét nghiệm
12.	Vũ Thị Thủy	Nữ hộ sinh	000134/HY-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên Khoa sản
13.	Phạm Văn Sáng	Y sĩ	0017789/HY-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh, chụp X-quang	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên Phòng X-quang
14.	Hoàng Văn Tiến	Y sĩ	004876/HY-CCHN	Y sĩ đa khoa	Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên Phòng cấp cứu
15.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cử nhân điều dưỡng đại học			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên Khoa nội
16.	Trần Văn Duân	Điều dưỡng đa khoa			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên Phòng lưu bệnh
17.	Nguyễn Văn Muộn	Y sĩ X-quang			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên phụ trách an toàn bức xạ phòng X-quang
18.	Dương Thị Hoa	Cử nhân điều dưỡng cao đẳng			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên phòng tiếp đón, phụ giúp phòng lưu bệnh
19.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Cử nhân điều dưỡng cao đẳng			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên khoa nội, phụ giúp phòng siêu âm
20.	Hoàng Thị Thủy	Điều dưỡng trung học			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30-17h)	Nhân viên phòng tiếp đón
21.	Vũ Thị Như Ngân	Điều dưỡng trung học			Thứ 2,3,4,5,6,7,CN (07h30 -17h)	Thực tập sinh

Hưng Yên, ngày 30 tháng 09 năm 2021